



**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 145/BC-ĐSHL

Bắc Giang, ngày 10 tháng 3 năm 2023

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG
NĂM 2022**

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG**
- Tên giao dịch quốc tế: **HA LANG RAILWAYS JOINT STOCK COMPANY**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2400152522 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 14/10/2010 và thay đổi lần thứ 5 ngày 04/7/2020.
- Vốn điều lệ: 16.500.000.000 (Mười sáu tỷ, năm trăm triệu đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 16.500.000.000 (Mười sáu tỷ, năm trăm triệu đồng).
- Địa chỉ: Số 6, Đường Nguyễn Khắc Nhu, Phường Trần Nguyên Hãn, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang.
- Điện thoại: 0204.3854.746.
- Fax: 0204.3852.983.
- Website: <http://www.halang.com.vn>
- Mã số cổ phiếu: **HLR**

*** Quá trình hình thành và phát triển**

Tiền thân của Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng là Công vụ đoạn Phủ Lạng Thương được thành lập từ tháng 3 năm 1955.

Trong quá trình hình thành và phát triển Công vụ đoạn Phủ Lạng Thương đến nay mang các tên gọi như sau:

Từ năm 1955 – 1964: Công vụ đoạn Phủ Lạng Thương;

Từ năm 1965 – 1971: Đoạn đường sắt Hà Mục;

Từ năm 1971 – 1979: Đoạn đường sắt Hà Hữu;

Từ năm 1980 – 1983: Đoạn đường sắt Hà Lạng;

Từ năm 1984 – 2002: Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Hà Lạng.

Ngày 20/3/2003 Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải có Quyết định số 734/2003/QĐ - GTVT về việc chuyển Xí nghiệp quản lý đường sắt Hà Lạng thành Công ty quản lý đường sắt Hà Lạng.

Ngày 29/6/2010 Tổng Công ty Đường sắt Việt nam có Quyết định số 708/QĐ - ĐS về việc chuyển Công ty quản lý đường sắt Hà Lạng thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên căn cứ theo Quyết định số 1882/QĐ-TTg ngày 13/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án chuyển Tổng Công ty Đường sắt Việt nam sang hoạt động theo hình thức công ty mẹ – công ty con;

Ngày 30/12/2015 Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp: 2400152522 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 14/10/2010 và thay đổi lần thứ 5 ngày 04/7/2020 với số vốn điều lệ là 16.500.000.000 đồng (Mười sáu tỷ, năm trăm triệu đồng).

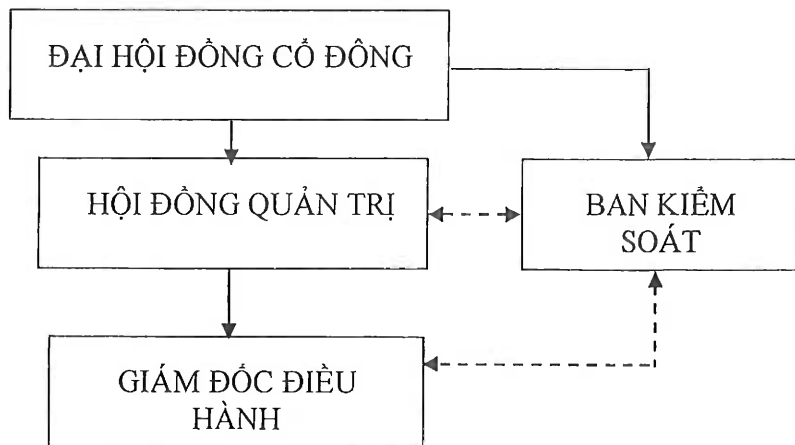
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Dịch vụ thi công xây dựng công trình về giao thông đường sắt, đường bộ, dân dụng, công nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt; Thiết kế, giám sát thi công công trình giao thông đường sắt;
- Kinh doanh vận tải đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy; dịch vụ bốc xếp hàng hóa ga đường sắt, đường bộ, đường thủy; dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô;
- Kinh doanh dịch vụ khảo sát xây dựng; tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; lập, thẩm tra xây dựng dự án đầu tư xây dựng; quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông đường sắt, đường bộ, đường thủy, trang bị dụng cụ lao động;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản; tổ chức bán đấu giá tài sản. Kinh doanh dịch vụ khách sạn, du lịch, nhà hàng;
- Kinh doanh dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; kinh doanh thuốc; dịch vụ tiêm chủng; trang thiết bị y tế; dịch vụ huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu; dịch vụ thu gom hàng lẻ ở nội địa;
- Kinh doanh xăng dầu; khai thác khoáng sản; sản xuất đồ gỗ xây dựng và dân dụng; may trang phục;
- Hợp tác liên doanh, liên kết các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để thực hiện các mục đích kinh doanh tìm kiếm lợi nhuận.

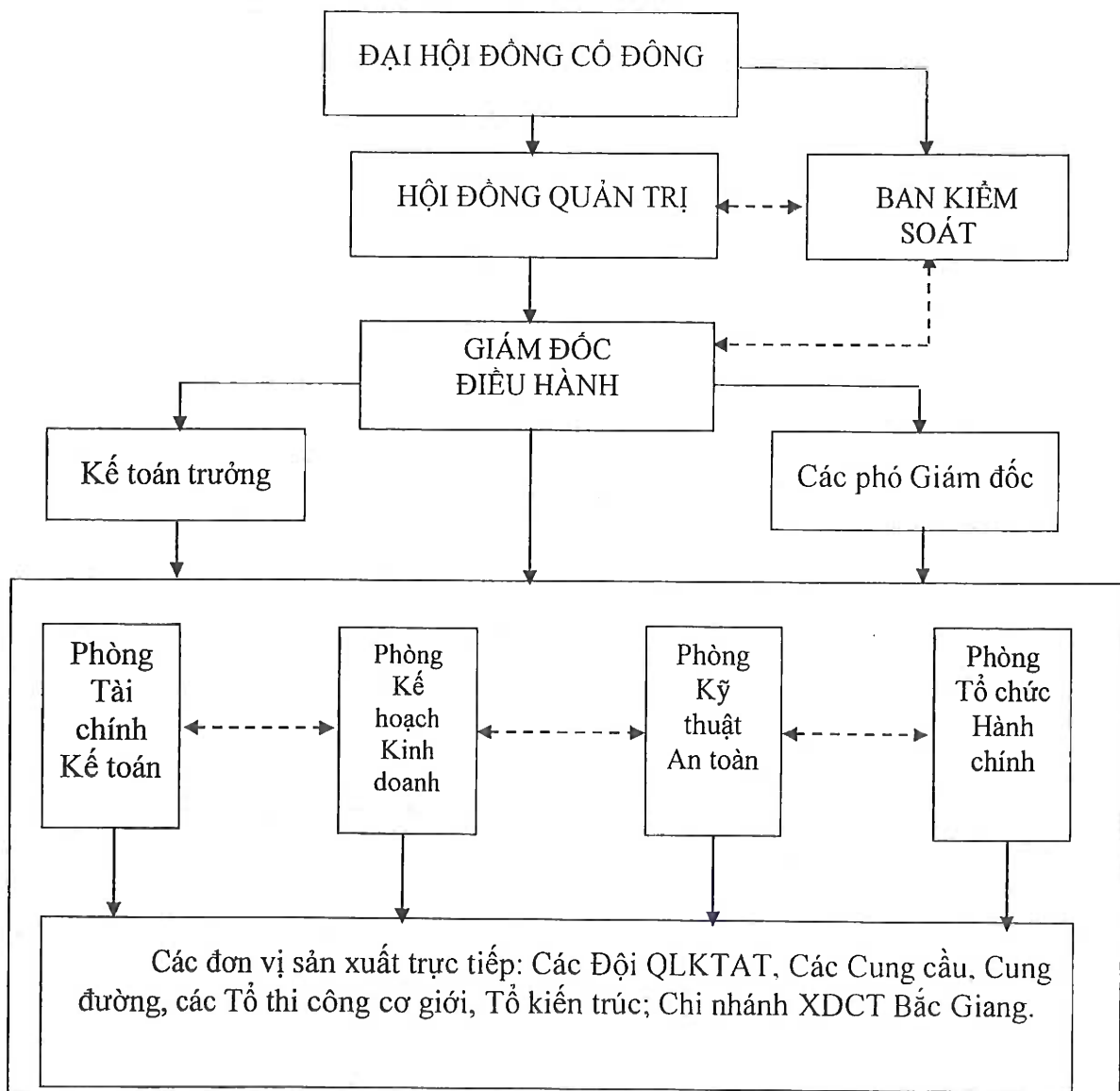
- Địa bàn kinh doanh chính: Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt tại các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Lạng Sơn, Hải Dương, Quảng Ninh.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị của Công ty theo sơ đồ sau:



- Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty:



4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty là: Tạo sự chuyển biến từ nhận thức thành hành động cụ thể trong mỗi CBCNV lao động toàn Công ty, tích cực tham gia các phong trào thi đua, huy động mọi nguồn lực, chung sức đồng lòng đầu tư, xây dựng nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu: "**Đoàn kết - Kỷ cương - An toàn - Hiệu quả**".

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Định hướng chung: phát huy ngành nghề truyền thống và từng bước tăng trưởng, vững chắc; đẩy mạnh liên kết trong và ngoài doanh nghiệp tạo cơ hội, nguồn lực để tăng tính cạnh tranh, phát huy hiệu quả; tiếp tục đổi mới công nghệ thi công, trang thiết bị tiên tiến, tạo ra sản phẩm có tính cạnh tranh ngày càng cao, tăng trưởng chất lượng tạo ra giá trị gia tăng cao; đổi mới sâu sắc quản trị doanh nghiệp, phát triển thương hiệu doanh nghiệp, văn hoá doanh nghiệp.

+ Chiến lược phát triển của Công ty dựa trên nguồn lực con người là khâu then chốt, quản lý bộ máy là khâu trọng yếu và phát huy văn hóa của doanh nghiệp là nhiệm vụ thường xuyên. Thực hiện kiện toàn, sắp xếp lại bộ máy quản lý, điều hành từ cơ quan Công ty đến các đơn vị trực thuộc.

+ Xây dựng Công ty cổ phần phát triển vững mạnh trong các lĩnh vực: Xây dựng, sửa chữa các công trình giao thông đường sắt, đường bộ, dân dụng, công nghiệp....

+ Nâng cao hiệu quả công tác tài chính, hiệu quả sử dụng vốn bằng cách đẩy mạnh công tác thu hồi vốn, phát huy tốt các nguồn vốn vay, vốn huy động từ các tổ chức tín dụng và cá nhân phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh và đầu tư với mức tăng trưởng cao.

+ Không ký các hợp đồng có giá trị thấp, khả năng sinh lời và thanh toán kém. Tăng cường quản lý chặt chẽ hơn ở tất cả các khâu từ đấu thầu, hợp đồng, giá cả, quản lý thi công, nghiệm thu thanh quyết toán.

+ Tăng cường công tác quản lý giá thành, quản lý các định mức kinh tế kỹ thuật. Hoàn thiện công tác khoán cho từng đơn vị với phương châm phát huy tối đa nội lực, khai thác và sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm các nguồn tài chính hiện có để vừa đảm bảo tính tập trung thống nhất nhưng linh hoạt để phát huy tốt tính chủ động sáng tạo của cơ sở.

+ Chủ động tài chính đảm bảo nguồn vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh và đầu tư. Xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh, huy động vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và các dự án đầu tư. Thực hiện công tác tài chính công khai, minh bạch và rõ ràng, gắn kết nội bộ và đoàn kết thống nhất cùng chung trách nhiệm và quyền lợi trong toàn Công ty.

+ Xây dựng cụ thể nhu cầu vốn phù hợp với quy mô sản xuất kinh doanh theo hướng tăng dần tỷ lệ vốn chủ sở hữu, giữ mức cân đối giữa vốn chủ sở hữu và vốn vay, vốn dài hạn và vốn ngắn hạn tương ứng với tài sản dài hạn và tài sản ngắn hạn, đảm bảo nguồn vốn dài hạn đủ để tài trợ cho việc đầu tư vào tài sản dài hạn và còn

tài trợ một phần cho nhu cầu vốn lưu động thường xuyên, giảm bớt rủi ro về tài chính.

+ Thường xuyên rà soát, phân loại, đánh giá tài sản không có nhu cầu sử dụng, lạc hậu về kỹ thuật, không có khả năng sinh lời hoặc sinh lời thấp để có biện pháp xử lý cho phù hợp.

+ Theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, có biện pháp cụ thể công tác thanh quyết toán và thu hồi công nợ để giảm nợ tồn đọng, đẩy nhanh tốc độ quay vòng vốn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động.

+ Bổ sung và hoàn thiện các quy chế quản lý cho phù hợp với công ty cổ phần như quy chế quản lý tài chính, quản lý các hợp đồng kinh tế ... đảm bảo tính chủ động, nâng cao trách nhiệm cho từng cán bộ công nhân viên trong Công ty với nhiệm vụ, trách nhiệm được giao, gắn kết quyền lợi và trách nhiệm cho từng cán bộ công nhân viên.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng):

+ Công ty đã từng bước phát triển thời gian vừa qua, đã và đang dần trở thành một trong những đơn vị có uy tín trong ngành Đường sắt. Nhận thức sâu sắc tầm ảnh hưởng của mình đến xã hội cũng như những thách thức mà toàn xã hội đang đối mặt, Công ty chúng tôi xác định nguyên tắc sản xuất kinh doanh là gắn kết một cách hài hoà giữa mục tiêu kinh doanh với trách nhiệm với xã hội, hướng đến phát triển bền vững. Chúng tôi thực hiện trách nhiệm đối với tất cả các bên liên quan và nỗ lực để mang lại ngày càng nhiều giá trị cho các bên liên quan của mình.

+ Công ty luôn tôn trọng, thực hiện và cam kết kiểm soát nghiêm ngặt quy trình sản xuất để không vi phạm các tiêu chuẩn về môi trường.

+ Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ. Tích cực hưởng ứng, tham gia, tuyên truyền các đợt phát động về bảo vệ môi trường của ngành cũng như của địa phương.

+ Tiếp tục tìm kiếm công ăn việc làm để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền các địa phương mà Công ty có đơn vị đóng quân để đảm bảo tốt công tác An toàn chạy tàu, An ninh chính trị và trật tự xã hội.

5. Các rủi ro:

Môi trường bên trong doanh nghiệp.

a. Các yếu tố vật chất.

***Tiền vốn:**

Vốn là tiền đề vật chất cần thiết cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhưng vấn đề quan trọng là nhà quản trị phải biết sử dụng có hiệu quả đồng vốn đầu tư của mình, nó được phản ánh trên các chỉ tiêu sau: Tốc độ hoàn trả vốn hiệu quả sử dụng vốn và lợi nhuận hàng năm thu được.

***Nhân sự:**

Con người là yếu tố quyết định mọi sự thành bại của hoạt động sản xuất kinh doanh. Bởi vậy, doanh nghiệp phải chú ý tới việc sử dụng con người, phát triển nhân sự, xây dựng môi trường văn hoá và nề nếp tổ chức của doanh nghiệp. Đồng thời doanh nghiệp phải quan tâm tới các chỉ tiêu rất cơ bản như: Số lượng lao động, trình độ nghề nghiệp, năng suất lao động, thu nhập bình quân, năng lực của cán bộ quản lý...

b. Các yếu tố tinh thần:

*** Truyền thống, thói quen:**

Các truyền thống, thói quen là những yếu tố mang tính rất riêng của doanh nghiệp. Nó được hình thành, tồn tại và phát triển vừa khách quan vừa chủ quan trong quá trình vận động của doanh nghiệp.

*** Nền văn hoá:**

Như ta đã biết những doanh nghiệp có nền văn hoá phát triển sẽ có không khí làm việc say mê luôn đề cao sự chủ động sáng tạo. Ngược lại, những doanh nghiệp có nền văn hoá thấp kém sẽ phổ biến sự bàng quang, thờ ơ và bất lực trước đội ngũ lao động của doanh nghiệp.

Biện pháp quan trọng tạo nên nền văn hoá doanh nghiệp mạnh là phải tăng cường các mối liên hệ giao tiếp trao đổi thông tin giữa các thành viên của các tổ chức với nhau thông qua con đường chính thức và đặc biệt là con đường không chính thức. Vì con đường không chính thức cho phép vượt qua được những cách biệt về cấp bậc, về tuổi tác... cho phép hạn chế tác hại của căn bệnh trì trệ quan liêu.

*** Giá trị ước vọng của lãnh đạo:**

Lãnh đạo theo cách lãnh đạo dân chủ lắng nghe ý kiến đóng góp của của mọi người. Ước vọng đó được thể hiện qua các quyết định của Ban lãnh đạo. Cùng với sự phấn đấu của cán bộ công nhân viên.

Môi trường kinh doanh bên ngoài doanh nghiệp:

a. Môi trường vĩ mô.

*** Môi trường kinh tế chính trị.**

Môi trường này bao gồm: luật pháp các chính sách và cơ chế của nhà nước đối với ngành kinh doanh. Nhà quản trị phải lưu ý tới các yếu tố trên nhằm tiên đoán những thay đổi quan trọng về chính trị trong nước, khu vực và trên thế giới để có những quyết sách đúng đắn trong kinh doanh. Chúng ta có thể xem xét một số khía cạnh ảnh hưởng của môi trường chính trị đến hoạt động của doanh nghiệp. Chẳng hạn, mối quan tâm hàng đầu của nhà nước được thể hiện trong sự thay đổi của luật kinh doanh là bảo vệ các doanh nghiệp, nhưng đồng thời nó lại kích thích tính chất cạnh tranh và giữ thái độ trung gian khi phải đối phó với những xung đột trong cạnh tranh. Điều này bắt buộc mỗi doanh nghiệp muốn tồn tại phát triển phải biết bám chặt hành lang pháp luật để hành động.

Sự ổn định chính trị có ảnh hưởng rất lớn đến các doanh nghiệp, vì rủi ro do môi trường chính trị là rất lớn. Khi chính phủ thay thế nhau có thể dẫn đến những thay đổi đáng kể về chính sách kinh tế, như chính phủ có thể quốc hữu hoá, tịch thu tài sản, ngăn cấm di chuyển ngoại tệ hoặc can thiệp vào chính sách tài chính tiền tệ.

***Môi trường công nghệ kỹ thuật.**

Hầu như tất cả các hàng hoá sản phẩm được tạo ra hiện nay đều gắn liền với những thành tựu khoa học kỹ thuật - công nghệ. Có thể nói rằng, chúng ta đang sống trong thời kỳ kỹ thuật công nghệ phát triển. Thực tế đã chứng minh rằng doanh nghiệp nào nắm vững kỹ thuật - công nghệ và sớm ứng dụng nó vào sản xuất kinh doanh thì doanh nghiệp đó tồn tại và phát triển.

Kỹ thuật - công nghệ với tư cách là một bộ phận của môi trường kinh doanh bên ngoài tác động tác động đến doanh nghiệp trên hai mặt:

Thứ nhất, công nghệ bên ngoài tác động đến doanh nghiệp thông qua công nghệ bên trong. Đó chính là tốc độ phát triển của khoa học kỹ thuật thể hiện thông qua phát minh, ứng dụng chúng vào cuộc sống đã làm cho công nghệ bên trong của doanh nghiệp nhanh chóng lạc hậu. Doanh nghiệp nào kinh doanh trong các ngành, các lĩnh vực có sự đổi mới công nghệ cao thì sẽ dễ rơi vào tình trạng lạc hậu về công nghệ.

Thứ hai, công nghệ làm xuất hiện các đối thủ cạnh tranh tiềm năng, đó là những đối thủ kinh doanh các sản phẩm có thể thay thế sản phẩm mà doanh nghiệp đang kinh doanh. Công nghệ phát triển càng nhanh thì chu kỳ sống của sản phẩm càng ngắn.

*** Môi trường tự nhiên :**

Bao gồm các yếu tố liên quan: Tài nguyên thiên nhiên, đất đai, khí hậu thời tiết ... Thực tế cho thấy sự ô nhiễm không khí và môi trường xung quanh đã đến mức báo động. Vấn đề đặt ra đối với các doanh nghiệp và chính phủ là không thể thờ ơ với công việc này. Hiện nay, chúng ta đang phải tìm cách đối phó với tình trạng ô nhiễm bằng những cách riêng của mình. Ngoài việc đóng thuế môi trường ra đã có nhiều nhà kinh doanh chủ động tìm cách thay thế nguyên liệu, vật liệu sử dụng năng lượng sạch hoặc nghiên cứu chế tạo, áp dụng các kỹ thuật xử lý chất thải.

Các yếu tố môi trường tự nhiên ảnh hưởng đến doanh nghiệp trên các mặt sau:

- Tạo ra thị trường cung ứng các yếu tố đầu vào cho các doanh nghiệp.
- Tác động đến dung lượng và cơ cấu thị trường hàng tiêu dùng.
- Tác động đến việc làm và thu nhập của dân cư, do đó ảnh hưởng đến sức mua và khả năng tiêu thụ hàng hoá của doanh nghiệp.

***Môi trường văn hoá xã hội.**

Các yếu tố văn hoá xã hội có liên quan với nhau nhưng tính chất tác động của chúng có thể khác nhau. Thực tế người ta luôn sống trong môi trường văn hoá đặc thù, tính đặc thù của mỗi nhóm người vận động theo hai khuynh hướng là giữ lại các

tin hoa văn hoá dân tộc, một khuynh hướng khác là hoà nhập với các nền văn hoá khác.

Nhà quản trị là người phải biết nắm vững cả hai khuynh hướng đó để có giải pháp thâm nhập sản phẩm của nhà sản xuất một cách thích hợp vào từng loại thị trường có nền văn hoá khác nhau. Đối với sản phẩm có tính quốc tế thì chỉ có thể thâm nhập từng bước nếu không chúng sẽ bị từ chối và như thế nhà sản xuất rất khó có cơ hội thành công.

Văn hoá xã hội nhìn chung ảnh hưởng đến hoạt động của các doanh nghiệp trên các mặt sau:

Văn hoá hình thành nên thói quen tiêu dùng của các nhóm dân cư, từ đó hình thành nên thói quen, sở thích, cách cư xử của khách hàng trên thị trường.

Văn hoá ảnh hưởng đến việc hình thành và phát triển nền văn hoá bên trong của doanh nghiệp.

Văn hoá quy định cách thức mà doanh nghiệp có thể dùng để giao tiếp với bên ngoài.

Như vậy, có thể thấy rằng những tác động của văn hoá đến doanh nghiệp là rất lớn, đó chính là những cách thức về văn hoá mà doanh nghiệp luôn phải đối đầu.

* Ảnh hưởng của dịch bệnh:

Dịch bệnh gây ảnh hưởng toàn diện, sâu rộng đến tất cả các quốc gia. Kinh tế toàn cầu rơi vào suy thoái nghiêm trọng. Việt Nam là một quốc gia có độ mở nền kinh tế lớn, hội nhập quốc tế sâu rộng, cũng chịu nhiều tác động của dịch bệnh. Mặc dù nước ta đã có sự kiểm soát dịch bệnh thành công bước đầu, nhưng đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng không nhỏ đến tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, gây gián đoạn chuỗi cung ứng sản xuất và lưu thông hàng hóa, một số ngành như: xuất, nhập khẩu, hàng không, du lịch, dịch vụ lưu trú, ăn uống, y tế, giáo dục, lao động, việc làm bị tác động trực tiếp; nhiều doanh nghiệp phá sản, giải thể, tạm dừng hoạt động, thu hẹp quy mô.

Tuy đã kiểm soát được đại dịch Covid-19 nhưng tác của nó vẫn đã và đang làm ảnh hưởng đến kinh tế toàn cầu. Nền kinh tế Việt Nam đang từng bước phục hồi và phát triển trên với sự điều hành của Chính phủ trong bối cảnh bình thường mới đã có nhiều thành công bước đầu. Khai thác tối đa thị trường trong nước, đồng thời phòng ngừa, ứng phó với các bất ổn từ bên ngoài, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm an sinh xã hội, sinh kế, việc làm, đời sống đối với người lao động, người nghèo, người yếu thế là những nội dung hết sức cần thiết trong thời gian tới.

Đối với Công ty, ảnh hưởng của dịch bệnh gây tác động lớn đến kế hoạch SXKD, phát sinh nhiều kinh phí cho các hoạt động phòng, chống dịch...

b. Môi trường vi mô:

* Khách hàng:



Khách hàng là người đang và sẽ mua hàng của doanh nghiệp. Đối với bất cứ một doanh nghiệp nào khách hàng luôn là yếu tố quan trọng nhất, quyết định nhất tới sự sống còn của doanh nghiệp. Tính chất quyết định của khách hàng thể hiện trên các mặt sau:

Khách hàng quyết định sản phẩm hàng hoá của doanh nghiệp được bán theo giá nào. Trên thực tế, doanh nghiệp chỉ có thể bán với giá mà người tiêu dùng chấp nhận.

Khách hàng quyết định doanh nghiệp bán sản phẩm như thế nào. Phương thức bán và phương thức phục vụ khách hàng là do khách hàng lựa chọn, vì trong nền kinh tế thị trường phát triển, người mua có quyền lựa chọn người bán theo ý thích của mình và đồng thời quyết định phương thức phục vụ của người bán. Điều này cho thấy tính chất quyết định của khách hàng làm cho thị trường chuyển từ thị trường người bán sang thị trường người mua, khách hàng trở thành thượng đế.

*** Đối thủ cạnh tranh:**

Doanh nghiệp luôn phải đối phó với hàng loạt đối thủ cạnh tranh. Vấn đề quan trọng ở đây là không được coi thường bất kỳ đối thủ nào, nhưng cũng không coi tất cả đối thủ là thù địch. Cách xử lý khôn ngoan nhất không phải là hướng mũi nhọn vào đối thủ của mình mà ngược lại vừa phải xác định, điều khiển và hoà giải, lại vừa phải hướng suy nghĩ và sự quan tâm của mình vào khách hàng. Phải luôn đặt câu hỏi khách hàng muốn gì? Khi ta thoả mãn được ước muốn của khách hàng, có nghĩa là ta đã thành công một phần trong cạnh tranh. Mặt khác cũng nên quan tâm tới việc dự đoán tương lai và định hướng tới khách hàng. Mỗi sản phẩm đều tuân theo một quy luật nhất định, đó là sự phát sinh, phát triển và suy thoái. Người tiêu dùng là người đi sau sự phát sinh nhưng lại đi trước sự suy thoái. Do vậy, nhà quản trị là người phải biết được khi nào sản phẩm của mình sẽ hết sự hấp dẫn để chuẩn bị ngay sản phẩm thay thế.

*** Nhà cung ứng.**

Người cung cấp đối với doanh nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng, nó bảo đảm cho hoạt động của doanh nghiệp được tiến hành ổn định theo kế hoạch đã định trước. Trên thực tế người cung cấp thường được phân thành ba loại chủ yếu: Loại cung cấp thiết bị, nguyên vật liệu; loại cung cấp nhân công; loại cung cấp tiền và các dịch vụ ngân hàng, bảo hiểm. Như vậy, mỗi doanh nghiệp cùng một lúc có quan hệ tới nhiều nguồn cung cấp thuộc cả ba loại trên. Vấn đề đặt ra là yêu cầu của việc cung cấp phải đầy đủ về số lượng, kịp thời về thời gian, đảm bảo về chất lượng và ổn định về giá cả. Mỗi sự sai lệch trong quan hệ với người cung cấp là ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của bản thân doanh nghiệp. Điều này lưu ý với các nhà quản trị là phải biết tìm cách đến được các nguồn lực tin cậy, ổn định và giá cả hợp lý. Phương châm là đa dạng hoá nguồn cung cấp, thực hiện nguyên tắc “không bỏ tiền vào một ống”. Mặt khác, trong quan hệ doanh nghiệp cần thiết tìm một người cung cấp chủ yếu có đầy đủ sự tin cậy, nhưng phải luôn tránh sự lệ thuộc và chủ động xây dựng kế hoạch cung ứng cho mình.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tổng giá trị doanh thu đạt 202,860 tỷ đồng, tăng 2,8% so với kế hoạch đã thực hiện năm 2021. Trong đó:

+ Sản xuất chính (bảo dưỡng thường xuyên KCHTĐS): Thực hiện hoàn thành toàn bộ khối lượng SCTX theo đúng kế hoạch được giao, đảm bảo chất lượng, tiến độ đúng theo hợp đồng đặt hàng đã ký. Doanh thu đạt 148,922 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch và tăng 7,8% so với thực hiện năm 2021.

+ Sản xuất ngoài nhiệm vụ sản xuất chính: Năm 2022 Công ty đã thực hiện với tổng giá trị doanh thu đạt: 53,368 tỷ đồng, bằng 90,8% so với kế hoạch đã thực hiện năm 2021.

+ Lợi nhuận sau thuế đạt 3,175 tỷ đồng, tăng 0,96% so với thực hiện năm 2021. Lợi nhuận sau thuế /Vốn CSH đạt 19,24%; Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ đạt: 11,0%. Các chỉ tiêu chính đã đạt được:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	KH năm 2022 theo NQ ĐHCĐ	Kết quả thực hiện năm 2022		
				Giá trị thực hiện	Tỷ lệ % so với 2021	Tỷ lệ % so với KH
1	Sản Lượng	216.742	208.473	218.472	101%	103%
2	Doanh Thu	197.318	193.031	202.860	103%	104%
	<i>Trong đó:</i>					
	- Sản phẩm công ích	138.196	146.214	148.921	108%	100%
	- Sản xuất kinh doanh khác	59.122	46.817	53.939	91%	115%
3	Chi Phí	193.217	189.091	198.851	103%	104%
4	Lợi Nhuận (trước thuế)	4.101	3.940	4.009	98%	102%
5	Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ	19,06%	19,13%	19,24%	101%	101%
6	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	11%	11%	11%	100%	100%

2. Tổ chức nhân sự:

* Danh sách ban điều hành Công ty:

Ông: Nguyễn Quang Long

- Chức vụ: Giám đốc, thành viên HĐQT

- Sinh năm: 1978

- Quê quán: Hà Tĩnh

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng cầu, đường

- Số cổ phần sở hữu: 0 (không) cổ phiếu

- Số cổ phần sở hữu đại diện cho Tổng công ty Đường sắt Việt Nam: 420.750 cổ phiếu.	
Ông: Nguyễn Bá Song - Chức vụ: Phó giám đốc - Sinh năm: 1964 - Quê quán: Bắc Ninh - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng đường sắt. - Số cổ phần sở hữu: 6.546 cổ phiếu	Ông: Nguyễn Đình Quyền - Chức vụ: Phó giám đốc - Sinh năm: 1969 - Quê quán: Bắc Ninh - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cầu, đường. - Số cổ phần sở hữu: 2.802 cổ phiếu
Ông: Trần Đức Ngọc - Chức vụ: Phó giám đốc - Sinh năm: 1981 - Quê quán: Quảng Bình - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cầu, đường; Thạc sỹ kinh tế. - Số cổ phần sở hữu: 8.200 cổ phiếu	Ông: Phạm Trọng Phương - Chức vụ: Kế toán trưởng - Sinh năm: 1978 - Quê quán: Bắc Ninh - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán. - Số cổ phần sở hữu: 1.340 cổ phiếu

- Những thay đổi trong Ban điều hành: Trong năm 2022 Công ty CPĐS Hà Lạng không có các thay đổi trong Ban điều hành:

*** Số lượng cán bộ, công nhân viên.**

Cơ cấu lao động Công ty năm 2022

Số TT	Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng %
I	Theo trình độ lao động	716	100
1	Trên đại học	7	0,98
2	Đại học	111	15,50
3	Cao đẳng + Trung cấp	213	29,75
4	Khác	385	53,77
II	Theo loại hợp đồng lao động		
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	716	100

Chính sách của Công ty đối với người lao động: Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật. Tăng cường phối hợp với các tổ chức, đơn vị trong và ngoài ngành để thực hiện mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, tay nghề cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.

a. Các khoản đầu tư lớn:

Năm 2022, Công ty đã đầu tư mua 03 máy cắt ray; 03 máy khoan ray bằng nguồn vốn chủ sở hữu để phục vụ cho sản xuất thi công công trình đã cho thấy hiệu quả, phát huy công năng và tính hữu dụng của tài sản đầu tư, cụ thể như sau:



Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên công trình, danh mục đầu tư	Tổng mức đầu tư	Giá trị thực hiện	Ghi chú
1	Máy cắt ray (03 cái)	192	168	
2	Máy khoan ray (03 cái)	189	168	
	Tổng cộng	381	336	

b. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính.

a. Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Đạt tỷ lệ
Tổng giá trị tài sản	85.849.322.519	95.995.678.060	112%
Doanh thu thuần	197.000.575.650	202.289.585.678	103%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.159.626.104	4.007.364.982	96%
Lợi nhuận khác	(58.798.932)	1.908.493	
Lợi nhuận trước thuế	4.100.827.172	4.009.273.475	98%
Lợi nhuận sau thuế	3.145.149.808	3.175.290.088	101%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	11%	11%	100%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Chi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,16	1,17	
Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,95	1,13	
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,75	0,77	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	3,04	3,41	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	11,95	20,74	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,29	2,11	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,02	0,02	Doanh thu chủ yếu từ hoạt động cung ứng, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,17	0,19	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,04	0,03	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,02	0,02	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần của Công ty: 1.650.000 cổ phần.
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
- Cổ phần chuyển nhượng tự do: 1.650.000 cổ phần.
- Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 (không) cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông: (Tại thời điểm 01/8/2022)

STT	Họ và tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
I	Cổ đông trong nước			
	Tổ chức	01	841.500	51%
	Cá nhân	990	803.100	48,67%
	Cổ đông lớn	0	0	0
II	Cổ đông nước ngoài			
	Tổ chức	0	0	0
	Cá nhân	2	5.400	0,33
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
	TỔNG CỘNG	993	1.650.000	100%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2022 Công ty không có sự kiện phát sinh nào làm thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Nguồn nguyên vật liệu đầu vào chính của Công ty chủ yếu là các vật tư chuyên ngành được cung cấp bởi các Công ty trong ngành đường sắt, là các đơn vị được công nhận cung cấp vật tư đường sắt và nhập khẩu được kiểm soát nghiêm ngặt bởi Bộ Giao thông - Vận tải, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và Công ty trước khi đưa vào sử dụng công trình như: ray, ghi, tà vẹt bê tông dự ứng lực, tà vẹt gỗ, đá balats...

Đối với vật tư đầu vào để Công ty sản xuất các cấu kiện bê tông cốt thép, gia công cấu kiện sắt thép, biển báo... như: cát, đá, xi măng, sắt thép, sơn... được mua tại các đơn vị có uy tín và được kiểm nghiệm đầy đủ trước khi đưa vào sản xuất. Vì vậy, quy trình sản xuất các sản phẩm của Công ty được đảm bảo từ đầu vào đến đầu ra.

Công ty luôn thực hiện tốt các quy định về công tác quản lý, nhập xuất vật tư, thành phẩm.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

Công ty luôn chú trọng công tác kiểm soát định mức sử dụng năng lượng, đánh giá việc sử dụng năng lượng được thực hiện định kỳ nhằm tìm hiểu nguyên nhân, đưa ra hướng khắc phục nếu việc sử dụng năng lượng có hiện tượng bất thường. Năng lượng công ty sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt của cán bộ công nhân viên khi làm nhiệm vụ chủ yếu gồm: Xăng, dầu diezen, dầu nhớt, điện. Trong đó:

- Xăng: 16.195 lít; dầu Diesel: 67.924 lít. Các loại nhiên liệu trên được sử dụng chủ yếu cho ô tô, xe tải, máy thi công đường sắt, goòng.

- Điện: 122.360 KWh phục vụ cho công tác quản lý điều hành, sản xuất tại trụ sở Công ty.

6.3. Tiêu thụ nước:

Công ty đã ký hợp đồng cung cấp nước sạch tại các công ty cung cấp nước sạch trên địa bàn các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Lạng Sơn, Hải Dương, Quảng Ninh để phục vụ nước sinh hoạt cho các đơn vị trong toàn Công ty. Đối với những khu vực không có nước sạch, Công ty cung cấp thiết bị lọc nước nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty luôn tuân thủ nghiêm pháp luật về bảo vệ môi trường, phổ biến đầy đủ các văn bản pháp luật liên quan bảo vệ môi trường đến toàn thể CBCVN và người lao động. Tích cực hưởng ứng, thực hiện nhiều chiến dịch bảo vệ môi trường như ngày môi trường thế giới 05/6, ngày môi trường đường sắt 5/11 và các chiến dịch khác về bảo vệ môi trường do ngành, địa phương nơi đóng quân và Nhà nước phát động.

Trong năm 2022, Công ty không để xảy ra các sự cố liên quan đến môi trường hay các trường hợp vi phạm về môi trường dẫn đến bị xử phạt.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 là: 716 người; Mức lương trung bình là: 9.806.000 đ/người/tháng, tăng 8% so với năm 2021.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Hàng năm công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.

- Cấp phát bồi dưỡng hiện vật cho người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại theo đúng quy định.

- Cải thiện điều kiện làm việc: sửa chữa nhà 1 số cung cầu đường, Hội trường công ty, trang cấp quạt hơi nước cho các chòi chắn đường ngang, cấp phát đường, trà sâm cho người lao động trong những ngày hè nắng nóng.

c. Hoạt động đào tạo người lao động

Công ty xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực giai đoạn 2021-2025 cụ thể:

- Bồi dưỡng nghiệp vụ quản trị doanh nghiệp: 20 người;
- Bồi dưỡng nghiệp vụ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp: 10 người;
- Đào tạo nghiệp vụ các loại chứng chỉ nghề: 50 người;
- Huấn luyện nghiệp vụ PCCC: 120 người;
- Bồi dưỡng nghiệp vụ an toàn chạy tàu trong điều kiện vừa thi công vừa tổ chức chạy tàu: 100 người;
- Bồi dưỡng nghiệp vụ cung trưởng: 246 người;
- Huấn luyện an toàn VSLĐ: 3.834 người;
- Bồi dưỡng kiến thức thi nâng bậc lương: 1.080 người;
- Đào tạo nghiệp vụ, cấp chứng chỉ tuần đường, tuần cầu, tuần hầm: 240 người;
- Đào tạo nghiệp vụ gác đường ngang, gác cầu chung, gác hầm: 165 người;
- Đào tạo cấp chứng chỉ lái phương tiện chuyên dùng đường sắt: 18 người;
- Đào tạo cấp chứng chỉ vận hành thiết bị nâng hạ: 10 người;
- Đào tạo sơ cấp và dạy nghề dưới 03 tháng: 180 người;
- Đào tạo trung cấp lý luận chính trị: 53 người;
- Đào tạo bồi dưỡng đối tượng Đảng: 50 người;

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc.

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh.

+ Những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến chỉ tiêu SXKD:

a. Thuận lợi:

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm giúp đỡ, tạo điều kiện của Bộ GTVT, Cục đường sắt Việt Nam và lãnh đạo Tổng công ty ĐSVN, nắm bắt thông tin tình hình giải quyết cơ chế, thủ tục giao nhiệm vụ, đặt hàng bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt, ngoài ra còn nhận được sự phối hợp, tạo điều kiện của chính quyền địa phương nơi có đường sắt đi qua; Toàn thể NLĐ trong Công ty phấn khởi tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng bộ, của ban lãnh đạo Công ty, nội bộ ổn định, đoàn kết, thống nhất, quy chế dân chủ được phát huy, đời sống văn hoá tinh thần của NLĐ luôn được quan tâm kịp thời.

- Bộ máy tổ chức hoạt động linh hoạt, hiệu quả; sử dụng cán bộ, lao động đúng chuyên môn, đúng năng lực, đúng sức để đảm bảo phát huy tối đa khả năng thực hiện công việc của mỗi cán bộ công nhân viên.

- Hồ sơ kinh nghiệm, năng lực của Công ty dần được cải thiện, nâng cao. Mở rộng lĩnh vực hoạt động và đối tượng khách hàng, phát huy hết tiềm năng và thế mạnh của Công ty, được nhiều Chủ đầu tư, khách hàng đánh giá cao, có đủ điều kiện để cạnh tranh, tham gia các công trình lớn về lĩnh vực đường sắt, đường bộ.

b. Khó khăn:

- Giá trị doanh thu trong công ích có giá trị lớn, thường chiếm giá trị lớn trên tổng doanh thu hàng năm của Công ty nên có ảnh hưởng rất lớn đến sự tăng trưởng doanh thu hàng năm, việc xác định sự tăng trưởng đối với sản phẩm này phụ thuộc chủ yếu vào sự cân đối, đặt hàng hàng năm của cấp có thẩm quyền.

Việc thay đổi cơ chế trong lĩnh vực quản lý, bảo trì KCHT đường sắt của các cấp cho ngành đường sắt cũng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện nhiệm vụ sản xuất.

Do vẫn còn sự ảnh hưởng lớn của đại dịch Covid-19; xung đột giữa Nga – Ukraine khiến giá nhiều loại vật liệu xây dựng và nhiên liệu tăng mạnh, hậu quả của mưa, bão do biến đổi khí hậu khó lường, nên toàn ngành cũng như các đơn vị đều gặp rất nhiều khó khăn trong công tác sản xuất kinh doanh.

Khó khăn chung của nền kinh tế, việc cân đối nguồn vốn Ngân sách để đầu tư phát triển đường sắt còn hạn chế đã ảnh hưởng trực tiếp tới công tác quản lý an toàn chạy tàu, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Khối lượng quản lý kết cấu hạ tầng lớn, đi qua 5 tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Lạng Sơn, Hải Dương và Quảng Ninh, yếu tố kỹ thuật đặc thù, phức tạp (nhiều loại khổ đường, cầu cao, độ dốc lớn, đường cong bán kính hẹp, hầm, cầu chung...). Trạng thái cầu đường trong phạm vi quản lý bị xuống cấp, kinh phí đầu tư cho BDTX chưa đáp ứng khắc phục được mức độ xuống cấp của cầu đường.

Trong năm 2022 mưa lớn thường xuyên diễn ra và kéo dài từ ngày 09/5/2022 tại lý trình từ Km 100+500 đến Km154+800 tuyến đường sắt Hà Nội – Đồng Đăng và tuyến đường sắt Mai Pha – Na Dương; thiệt hại do cơn bão số 3 từ ngày 25/8/2022 tại lý trình từ Km80+193 đến Km127+200 tuyến đường sắt Kép – Hạ Long – Cái Lân và từ Km2+300 – Km2+700 tuyến đường sắt Chí Linh – Phả Lại, gây ra nhiều điểm hư hỏng nặng, phải phong tỏa, cấm đường không cho tàu qua. Công ty đã tập trung huy động nhân lực; thiết bị; vật tư và tổ chức cứu chữa, khắc phục hậu quả thiệt hại kết cấu hạ tầng đường sắt để đảm bảo an toàn chạy tàu.

Mặc dù còn nhiều khó khăn như vậy nhưng với tinh thần đoàn kết, nỗ lực phấn đấu của toàn thể người lao động, cùng với sự chỉ đạo của Ban chấp hành Đảng bộ và Hội đồng quản trị Công ty, sự điều hành của Ban giám đốc và các phòng nghiệp vụ trong Công ty, sự quan tâm của cấp trên và phối hợp chặt chẽ của các đơn vị bạn trong và ngoài ngành, Công ty đã phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ do cấp trên giao và hoàn thành tốt các chỉ tiêu SXKD đề ra.

2. Tình hình tài chính.

a. Tình hình tài sản.

Năm 2022, Công ty đã đầu tư mua 03 máy cắt ray; 03 máy khoan ray bằng nguồn vốn chủ sở hữu để phục vụ cho sản xuất thi công công trình đã cho thấy hiệu quả, phát huy công năng và tính hữu dụng của tài sản đầu tư, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên công trình, danh mục đầu tư	Tổng mức đầu tư	Giá trị thực hiện	Ghi chú
1	Máy cắt ray (03 cái)	192	168	
2	Máy khoan ray (03 cái)	189	168	
	Tổng cộng	381	336	

b. tình hình nợ phải trả.

Tại thời điểm 31/12/2022, tổng nợ phải trả là 74.214 triệu đồng, tăng 15% so với thời điểm 31/12/2021 tương ứng với 9.616 triệu đồng.

Chi tiết tổng nợ ngắn hạn:

- Phải trả cho người bán: 39.087 triệu đồng;
- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước: 6.227 triệu đồng;
- Phải trả người lao động: 13.993 triệu đồng;
- Chi phí phải trả ngắn hạn: 11 triệu đồng;
- Các khoản phải trả ngắn hạn: 3.009 triệu đồng;
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn: 11.490 triệu đồng;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 393 triệu đồng.

Các khoản nợ phải trả chủ yếu nợ phải trả người bán, mua vật tư, vật liệu phục vụ BDTX KCHTĐS; tiền vay ngân hàng, nhà cung cấp vật liệu và tiền lương phải trả của người lao động phục vụ cho BDTX KCHTĐS. Trong tháng 1 năm 2023, các khoản nợ phải trả sẽ được thanh toán khi nguồn kinh phí bảo dưỡng thường xuyên KCHT đường sắt và nguồn kinh phí SXKD được giải ngân.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Năm 2022, mặc dù nền kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, song Công ty vẫn duy trì và ổn định SXKD. Để đạt được những kết quả trên, HĐQT và Ban Giám đốc đã có những bước đi đúng đắn trong chiến lược SXKD cũng như không ngừng cải tiến hệ thống quản lý, cụ thể:

Duy trì ổn định SXKD, đảm bảo nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, thanh toán kịp thời và đầy đủ mọi chế độ cho người lao động và hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước. Thực hiện kê khai và quyết toán thuế với cơ quan thuế theo đúng quy định của Luật quản lý thuế. Thanh toán các khoản nợ kịp thời theo cam kết.

Về việc thực hiện Nghị quyết, Quyết định và các định hướng chỉ đạo của Tổng công ty ĐSVN: Công ty thực hiện đầy đủ và nghiêm túc tất cả các nội dung chỉ đạo của Tổng công ty ĐSVN có liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác chính trị, tư tưởng của CBCNV.

Về tài chính: Công ty luôn cố gắng đảm bảo được nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, thanh toán kịp thời và đầy đủ chế độ cho người lao động và hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước. Thực hiện kê khai và quyết toán thuế với cơ quan thuế theo đúng quy định của Luật quản lý thuế. Thanh toán các khoản nợ kịp thời theo cam kết.

Về chế độ chính sách đối với người lao động: Người lao động của Công ty được trả tiền lương, tiền công kịp thời, đúng, đủ theo quy định; thực hiện đúng chế độ chính sách cho người lao động như thăm hỏi, trợ cấp xã hội, học tập, thực hiện đúng quy chế dân chủ, giải quyết kịp thời các kiến nghị, đơn thư khiếu nại theo thẩm quyền và các chế độ khác đúng quy định;

Về công tác đầu tư và quản lý tài sản: Tài sản của Công ty đầu tư đúng mục đích sử dụng, đúng với các quy định của Nhà nước hiện hành, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công bố thông tin: Tiến hành thực hiện đầy đủ các thủ tục, hồ sơ theo yêu cầu của UBCK Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội quy định khi tham gia thị trường chứng khoán.

Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Thường xuyên tạo đủ việc làm cho người lao động, đời sống cán bộ công nhân viên ngày một được nâng cao, về trụ sở làm việc, cơ sở vật chất và các trang thiết bị được đầu tư, nâng cấp, cải tạo sửa chữa đảm bảo nhu cầu thiết yếu, tạo môi trường làm việc tốt cho người lao động. Các công trình Công ty thực hiện trong thời gian qua được các khách hàng đánh giá cao về tiến độ và chất lượng thi công. Qua đó, Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Trên cơ sở nguồn lực hiện có, kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của các năm qua, với phương châm giữ nhịp độ phát triển, tăng trưởng nhưng phải ổn định vững chắc, lấy mục tiêu hiệu quả trong sản xuất kinh doanh có lãi để bảo tồn và phát triển vốn làm đầu, đảm bảo đời sống cho người lao động; đóng góp đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ đối với Nhà nước. Kế hoạch phát triển thị trường và sản phẩm năm 2023 phải đảm bảo mục tiêu cụ thể như sau:

Sản xuất chính: Hoạt động bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt được công ty xác định là hoạt động sản xuất kinh doanh chính, trong đó nhiệm vụ đảm bảo an toàn chạy tàu là cốt lõi. Công ty luôn phấn đấu hoàn thành thật tốt hợp đồng đặt hàng quản lý, BDTX KCHTĐS đã ký kết với Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, giữ vững an toàn chạy tàu, đảm bảo tiến độ và chất lượng cao nhất;

Sản phẩm ngoài công ích: Tăng cường quan hệ với đối tác bên ngoài để tìm việc làm đảm bảo doanh thu theo kế hoạch, phấn đấu luôn hoàn thành tốt mọi hợp

đồng, công trình đảm bảo tiến độ, chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật công trình để giữ vững và phát triển thương hiệu, tạo niềm tin cho đối tác khách hàng;

Tăng cường áp dụng khoa học công nghệ trong sản xuất kinh doanh, đầu tư máy móc thiết bị để từng bước nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí, giảm giá thành sản phẩm để tăng tính cạnh tranh góp phần tạo điều kiện nâng cao năng lực đơn vị trong việc tìm kiếm thêm việc làm nhằm đảm bảo ổn định, tăng thu nhập, đảm bảo đời sống vật chất cho người lao động. Chủ động, tích cực tìm kiếm thêm việc làm ngoài sản xuất chính, đặc biệt là các đối tác truyền thống của Công ty để đảm bảo tiến tới tăng thu nhập cho người lao động, đảm bảo an sinh xã hội, giữ được người lao động tiếp tục ở lại làm việc; mở rộng sản xuất kinh doanh;

Đảm bảo an toàn chạy tàu, an ninh trật tự, an toàn lao động; xây dựng đơn vị "Chính quy - Văn hoá - An toàn" và phát động các phong trào thi đua trong công cuộc xây dựng, bảo vệ và phát triển doanh nghiệp.

Các chỉ tiêu khác:

Tổng giá trị doanh thu kế hoạch năm 2023 dự kiến là: 207,120 tỷ đồng, bằng 102% kế hoạch thực hiện năm 2022. Trong đó:

Sản xuất chính (bảo dưỡng thường xuyên KCHT ĐS): kế hoạch thực hiện hoàn thành toàn bộ khối lượng SCTX theo đúng kế hoạch được giao, đảm bảo chất lượng, tiến độ đúng theo hợp đồng đặt hàng đã ký. Doanh thu dự kiến đạt: 163,496 tỷ đồng, tăng 9,8% so với thực hiện năm 2022;

Kế hoạch sản xuất ngoài nhiệm vụ sản xuất chính: Năm 2023 ngoài thực hiện 05 công trình chuyên tiếp của năm 2022 sang, Công ty dự kiến sẽ tham gia 09 hợp đồng thi công xây dựng công trình, với tổng giá trị doanh thu: 43,374 tỷ đồng, bằng 81,3% so với thực hiện năm 2022;

Kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2023 dự kiến đạt 3,201 tỷ đồng, tăng 0,81% so với thực hiện năm 2022. Lợi nhuận sau thuế /Vốn CSH đạt 19,40%; Tỷ lệ cổ tức /Vốn điều lệ đạt 11,0%;

- Phần đầu thu nhập bình quân của người lao động tăng trưởng từ 8% trở lên so với năm 2022.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

Công ty quản lý khối lượng kết cấu hạ tầng lớn, các yếu tố kỹ thuật đặc thù, phức tạp (nhiều loại khổ đường, cầu cao, hầm dài, độ dốc lớn, nhiều đường cong bán kính nhỏ, cầu chung...). Trạng thái công trình đường sắt trong phạm vi quản lý chưa được vào cấp, kinh phí đầu tư cho công tác bảo trì được giao hàng năm chưa thể đáp ứng khắc phục kịp mức độ xuống cấp của cầu đường.

- Năm 2022 do vẫn còn sự ảnh hưởng lớn của đại dịch Covid-19; xung đột giữa Nga – Ukraine khiến giá nhiều loại vật liệu xây dựng và nhiên liệu tăng mạnh; hậu quả của mưa, bão do biến đổi khí hậu khó lường, nên toàn ngành cũng như các đơn vị đều gặp rất nhiều khó khăn trong công tác sản xuất kinh doanh. Điều này ảnh

hưởng rất lớn đến kế hoạch SXKD của Công ty, phát sinh nhiều chi phí. Mặt khác, Công ty phải cạnh tranh với nhiều doanh nghiệp giàu kinh nghiệm có cùng lĩnh vực hoạt động và hiện tại hồ sơ năng lực của Công ty vẫn còn một số hạn chế, nên sẽ là một thách thức rất lớn với Công ty hiện nay.

Tuy nhiên, được sự giúp đỡ của Bộ GTVT và Tổng công ty Đường sắt Việt Nam cùng sự quyết tâm của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và toàn thể CBCNV, Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu SXKD đã được Đại hội đồng cổ đông giao cho. Cụ thể:

- Tổng giá trị doanh thu đạt 202,860 tỷ đồng, tăng 2,8% so với kế hoạch đã thực hiện năm 2021. Trong đó:

+ Sản xuất chính (bảo dưỡng thường xuyên KCHTĐS): Thực hiện hoàn thành toàn bộ khối lượng SCTX theo đúng kế hoạch được giao, đảm bảo chất lượng, tiến độ đúng theo hợp đồng đặt hàng đã ký. Doanh thu đạt 148,922 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch và tăng 7,8% so với thực hiện năm 2021.

+ Sản xuất ngoài nhiệm vụ sản xuất chính: Năm 2022 Công ty đã thực hiện với tổng giá trị doanh thu đạt: 53,368 tỷ đồng, bằng 90,8% so với kế hoạch đã thực hiện năm 2021.

+ Lợi nhuận sau thuế đạt 3,175 tỷ đồng, tăng 0,96% so với thực hiện năm 2021. Lợi nhuận sau thuế /Vốn CSH đạt 19,24%; Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ đạt: 11,0%. Các chỉ tiêu chính đã đạt được:

*Tiền lương và thu nhập bình quân năm 2022 đạt 9.806.000 đ/người/tháng, tăng 8% so với năm 2021.

* Đảm bảo tuyệt đối ATCT, giữ vững được công lệnh tốc độ, tải trọng.

* Cơ sở vật chất, điều kiện làm việc và các hoạt động văn hóa, thể thao, đời sống tinh thần của CBCNV ngày càng được cải thiện.

Những kết quả đạt được trong năm là tín hiệu tích cực chỉ báo những định hướng chỉ đạo đúng đắn của Bộ GTVT và Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, cũng như tinh thần nghiêm túc quán triệt và triển khai thực hiện của toàn thể CBCNV Công ty. Tuy nhiên, những kết quả đạt được vẫn còn hạn chế và chưa tương xứng với nguồn lực của Công ty đó cũng là thách thức để CBCNV và người lao động Công ty tiếp tục nỗ lực, phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 và những năm tiếp theo.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty.

Công ty quản lý một khối lượng kết cấu hạ tầng không những lớn nhất mà còn phức tạp nhất Tổng công ty Đường sắt Việt Nam: bao gồm những yếu tố kỹ thuật đặc thù, khó khăn của ĐSVN như nhiều loại khổ đường, cầu cao, độ dốc lớn, đường cong bán kính nhỏ, hầm, cầu chung...

Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty vẫn nỗ lực điều hành đạt kết quả rất ấn tượng. Đảm bảo an toàn chạy tàu, sản phẩm quản lý, bảo trì thực hiện đúng phương án tác nghiệp, tiến độ và chất lượng, nỗ lực cùng Hội đồng quản trị tìm kiếm, khai thác các sản phẩm dịch vụ khác nhằm đảm bảo việc làm và tăng thu nhập cho CBCNV. Các thành viên trong Ban Giám đốc Công ty đều là các nhân sự giàu kinh nghiệm trong công tác quản lý, bảo kỳ kết cấu hạ tầng đường sắt và điều hành hiệu quả trong mọi công việc.

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ theo đúng Pháp luật và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị luôn chú trọng công tác quản trị rủi ro, chỉ đạo chuẩn hóa các quy trình, quy chế quản trị, tăng cường giám sát việc thực thi các quy chế này trong mọi mặt hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc cũng đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch và đúng quy định của pháp luật. Với tinh thần trách nhiệm cao, toàn bộ Ban Giám đốc đã chủ động các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế trên cơ sở nhiệm vụ được Tổng công ty Đường sắt Việt Nam đặt hàng và giao kế hoạch của Hội đồng quản trị phê duyệt. Các kế hoạch triển khai thực hiện nghiêm túc và khoa học, qua đó đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch được giao trong năm.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

Theo nhận định của Hội đồng quản trị, năm 2023 Công ty sẽ tiếp tục duy trì được sự ổn định và phát triển bởi những điều kiện thuận lợi sau:

- Công ty tiếp tục nhận được sự quan tâm giúp đỡ của Bộ GTVT và Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

- Nội quy, quy chế hoạt động của Công ty theo mô hình Công ty cổ phần đã được phát huy hiệu quả tạo ra phương thức tổ chức chỉ đạo, điều hành hoạt động SXKD mới năng động, sáng tạo hơn;

- Những kết quả đạt được năm 2022 sẽ là nhiệm vụ thúc đẩy cho CBCNV toàn Công ty, tạo đà cho các phong trào thi đua SXKD năm 2023.

Tuy nhiên, Công ty cũng gặp phải không ít khó khăn, thách thức trong năm tới đó là:

- Năm 2023 sẽ tiếp tục là năm phải chịu sự ảnh hưởng rất lớn về tình hình kinh tế chính trị trên thế giới và trong nước, đặc biệt đối với ngành đường sắt cũng như Công ty như vấn đề suy thoái kinh tế, lạm phát, biến động giá cả... sẽ là một năm với những khó khăn thách thức trong việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo định hướng đã đặt ra;

- Khó khăn chung của nền kinh tế, việc cân đối nguồn vốn Ngân sách để đầu tư phát triển đường sắt còn hạn chế đã ảnh hưởng trực tiếp tới công tác bảo trì KCHTĐS và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Khối lượng quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt lớn, yếu tố kỹ thuật đặc thù, phức tạp với nhiều loại khổ đường, trạng thái công trình đường sắt trong phạm vi quản lý bị xuống cấp, trong khi một số tuyến Công ty đang quản lý có mật độ chạy tàu thấp nên kinh phí đầu tư cho BDTX được cân đối còn chưa đủ để khắc phục được mức độ xuống cấp của trạng thái cầu, đường nên luôn tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn chạy tàu;

- Thực hiện triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, ngay từ đầu năm Công ty đã phải huy động các nguồn lực, đặc biệt là nguồn vốn để mua vật tư phục vụ sản xuất và giải quyết đầy đủ, kịp thời các chế độ, tiền lương cho người lao động trong khi chưa ký được hợp đồng, chưa tạm ứng kinh phí đặt hàng bảo dưỡng thường xuyên KCHTĐS sắt quốc gia.

Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị định hướng như sau:

- Tiếp tục tập trung công tác giám sát, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, trong đó tập trung cao nhất nguồn lực vào công tác hoàn thành 100% khối lượng sản phẩm quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt theo đúng hợp đồng đặt hàng bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt với Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng cao nhất; đảm bảo an toàn chạy tàu; giữ vững công lệnh tốc độ, tải trọng.

- Thực hiện đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng các công trình SXKD ngoài công ích được ký kết từ năm 2022 chuyển sang.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tìm kiếm, khai thác các sản phẩm, dịch vụ ngoài công ích để tạo ra nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

- Chỉ đạo Ban Giám đốc tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chính sách đối với người lao động, trọng dụng nguồn nhân lực có chuyên môn cao, tâm huyết, sáng tạo đem lại hiệu quả thiết thực cho Công ty. Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, chú trọng công tác quy hoạch nhân sự, tăng cường công tác đào tạo nâng cao tay nghề, tính chuyên nghiệp và tinh thần trách nhiệm của CBCNV nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất.

- Tăng cường kiểm tra tuân thủ quy trình, quy phạm trong sản xuất, minh bạch trong hoạt động công bố thông tin, tuân thủ pháp luật.

- Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện quyết liệt và có hiệu quả các nội dung nêu trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị để đáp ứng kịp thời các mục tiêu sản xuất kinh doanh.

- Đề xuất các phương án tái cơ cấu hoạt động điều chỉnh mô hình tổ chức sản xuất của Công ty thích ứng tốt nhất với các quy định mới của pháp luật, kịp thời đón bắt các cơ hội kinh doanh mới nhằm tối đa hóa lợi ích cho các cổ đông.

V. Quản trị Công ty.

1. Hội đồng quản trị.

a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị.

Stt	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu	Ghi chú
1	Hoàng Đăng Khoa	Chủ tịch HĐQT	2.416	
2	Nguyễn Quang Long	TV. HĐQT - Giám đốc	0	
3	Nguyễn Trọng Thuyết	TV. HĐQT	8.044	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Các hoạt động của Hội đồng quản trị.

Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức 09 cuộc họp để thông qua các nội dung chính như sau:

- Đánh giá kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và định hướng nhiệm vụ SXKD năm 2022;

- Công tác chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;

- Rà soát, điều chỉnh bổ sung nhân sự quy hoạch Người đại diện phần vốn, Người quản lý Công ty nhiệm kỳ 2021-2026; Rà soát, điều chỉnh bổ sung nhân sự quy hoạch lao động quản lý Công ty nhiệm kỳ 2021-2026

- Kiện toàn cơ cấu tổ chức và công tác cán bộ tại Chi nhánh XDCT Bắc Giang;

- Đánh giá kết quả hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2022 và định hướng nhiệm vụ SXKD 6 tháng cuối năm 2022;

- Điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2022, công tác giám sát tài chính và thực hiện kế hoạch SXKD;

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm: Không có.

2. Ban Kiểm soát.

a) Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát.

Stt	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Hào	Trưởng ban	5.628	
2	Nguyễn Thị Nhung	Thành viên	0	
3	Trịnh Diệu Linh	Thành viên	0	

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát.

Thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Năm 2022, Ban kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp của Ban và thực hiện các công việc như sau:

- Lập và báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;

- Xem xét việc ban hành và triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công;
- Xem xét tình hình thực hiện Phương án tác nghiệp kỹ thuật hàng quý đã được Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam phê duyệt và tình hình thực hiện các hợp đồng sản xuất kinh doanh ngoài công ích;
- Xem xét báo cáo tài chính hàng quý, thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021 và 6 tháng đầu năm 2022;
- Xem xét trình tự, thủ tục tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;
- Xem xét việc giao, nhận vật tư thu hồi của năm 2021 từ các đơn vị thi công;
- Xem xét tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022;
- Xem xét việc chi trả tiền lương, thù lao cho người lao động và người quản lý Công ty;
- Giám sát việc thực hiện các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Tham gia góp ý xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định của Công ty và thực hiện các nhiệm vụ khác của Ban kiểm soát theo quy định.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích.

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Stt	Họ và tên	Chức danh	Lương và các khoản lợi ích	Thù lao	Ghi chú
1	Hoàng Đăng Khoa	Chủ tịch HĐQT	309.457		
2	Nguyễn Quang Long	TV HĐQT-GĐ	298.167	12.000	
3	Nguyễn Trọng Thuyết	TV HĐQT	255.362		
4	Nguyễn Bá Song	Phó Giám đốc	248.465		
5	Nguyễn Đình Quyền	Phó Giám đốc	248.565		
6	Trần Đức Ngọc	Phó giám đốc	246.836		
7	Nguyễn Văn Hào	Trưởng Ban KS	248.265		
8	Nguyễn Thị Nhung	TV Ban KS	130.340	5.500	
9	Trịnh Diệu Linh	TV Ban KS	146.172	6.000	
10	Phạm Trọng Phương	Kế toán trưởng	217.169		

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Theo phụ lục đính kèm.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có phát sinh.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.

- Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty dựa theo các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các Nội quy, Quy chế nội bộ của Công ty.

VI. Báo cáo tài chính.

1. Ý kiến kiểm toán.

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính".

Vấn đề cần nhấn mạnh

"Chúng tôi cần lưu ý người đọc đến thuyết minh 7.6 trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính "Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính". Ngày 08/02/2023 Công ty đã lập hồ sơ đề nghị giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ, kèm theo các hợp đồng thuê đất số 314/HĐTĐ ngày 27/3/2012 giữa Công ty và Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang - Sở Tài nguyên và Môi trường; Hợp đồng thuê đất số 83/HĐ-TĐ ngày 22/07/2016 giữa Công ty và Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh - Sở Tài nguyên và Môi trường và Hợp đồng thuê đất số 402/HĐ-TĐ ngày 26/07/2016 giữa Công ty và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh - Sở Tài nguyên và Môi trường. Tuy nhiên đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty chưa nhận được văn bản trả lời của cơ quan thuế quản lý trực tiếp. Vì vậy, Báo cáo tài chính được lập ngày 23/02/2023 chưa bao gồm việc điều chỉnh giảm chi phí tiền thuê đất được giảm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg (nếu có)".

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.

- Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật về kế toán là: Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc.

- Báo cáo tài chính phát hành ngày 23 tháng 02 năm 2023 gồm:

a) *Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022;*

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		86.918.649.619	75.234.202.633
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	4.303.197.629	1.318.058.943
1. Tiền	111		4.303.197.629	1.318.058.943
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		79.495.703.482	59.801.407.043
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	78.842.105.462	54.724.066.197
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	858.788.279	1.055.258.110
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-



6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	7.077.537.615	10.614.829.174
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.3	(7.282.727.874)	(6.592.746.438)
8. Tài sản Thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	3.119.748.508	14.063.598.076
1. Hàng tồn kho	141		3.119.748.508	14.063.598.076
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	51.138.571
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	51.138.571
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.077.028.441	10.615.119.886
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		7.193.842.131	8.200.853.652
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	7.082.375.464	8.200.853.652
- Nguyên giá	222		28.112.641.038	27.836.141.038
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.030.265.574)	(19.635.287.386)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		111.466.667	-
- Nguyên giá	228	5.9	121.600.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		10.133.333)	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.883.186.310	2.414.266.234
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	1.883.186.310	2.414.266.234
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		95.995.678.060	85.849.322.519
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		74.214.406.972	64.598.191.711
I. Nợ ngắn hạn	310		74.214.406.972	64.598.191.711
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	39.087.466.333	36.530.974.932
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	405.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	5.13	6.227.869.197	5.696.321.384
4. Phải trả người lao động	314		13.993.992.561	12.582.652.716

5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	11.550.602	532.627.148
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		3.009.526.648	2.519.361.274
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	-	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	11.490.365.506	6.086.614.500
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		393.636.125	244.639.757
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.15	21.781.271.088	21.251.130.808
I. Vốn chủ sở hữu	410		21.781.271.088	21.251.130.808
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		16.500.000.000	16.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		16.500.000.000	16.500.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.105.981.000	1.605.981.000
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.175.290.088	3.145.149.808
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.175.290.088	3.145.149.808
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		95.995.678.060	85.849.322.519

b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	202.289.585.678	197.000.575.650
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		202.289.585.678	197.000.575.650
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	178.161.076.919	172.209.957.102
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		24.128.508.759	24.790.618.548
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	349.578.812	279.384.756
7. Chi phí tài chính	22		99.041.611	140.308.828
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	6.4	99.041.611	140.308.828
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	20.371.680.978	20.770.068.372
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		4.007.364.982	4.159.626.104
12. Thu nhập khác	31	6.6	220.952.380	38.194.181
13. Chi phí khác	32	6.7	219.043.887	96.993.113
14. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		1.908.493	(58.798.932)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		4.009.273.475	4.100.827.172
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	833.983.387	955.677.364
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		3.175.290.088	3.145.149.808
18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	6.9	1.466	1.463
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	1.466	1.463

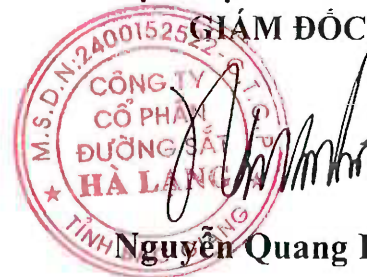
c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		194.100.089.882	211.167.994.323
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(90.171.919.816)	(108.363.400.719)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(77.388.831.155)	(74.331.111.041)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(90.058.157)	(144.742.034)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(845.677.364)	(830.555.994)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.479.938.209	8.341.296.182
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(30.780.991.802)	(30.898.511.044)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(697.450.203)	4.940.969.673
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(312.000.000)	(1.684.016.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(25.000.000.000)	(48.237.692.839)

4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		25.000.000.000	48.237.692.839
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		348.226.575	279.384.756
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		36.226.575	(1.404.631.244)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		30.230.286.981	41.737.703.256
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(24.826.535.975)	(43.946.341.137)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.757.388.692)	(1.688.363.612)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3.646.362.314	(3.897.001.493)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		2.985.138.686	(360.663.064)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.318.058.943	1.678.722.007
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		4.303.197.629	1.318.058.943

- Toàn bộ Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán và được đăng tải trên website của Công ty tại địa chỉ <http://halang.com.vn> và được gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Nguyễn Quang Long

Phụ lục
DANH SÁCH GIAO DỊCH
CỦA NGƯỜI NỘI BỘ ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY NIÊM YẾT
(Kèm theo Báo cáo số: 145/BC-ĐSHL ngày 10 tháng 03 năm 2023)

Stt	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu năm 2021		Số cổ phiếu sở hữu năm 2022		Lý do tăng/giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Trần Đức Ngọc	Phó giám đốc	0	0%	8.200	0.497%	Mua cổ phiếu